

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỐI VỚI 55 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THÔN ĐỘNG GIÃ, XÃ THANH OAI
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ THÈ THAO OLYMPIC (TRÊN ĐỊA BÀN THÔN ĐỘNG GIÃ, XÃ THANH OAI) ĐỢT 12
(Kèm theo Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của UBND xã Thanh Oai)

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000đ/m ² x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m ²)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000đ/m ² x 5 lần)					Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m ² (không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		19	20	21			
1	Đoàn Văn Chiến (đã chết), đại diện Đoàn Văn Nam	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001077017848	CG 241115	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	98	00	142	378	49	3,307.0	142	94.13	965,030,000	2,412,575,000	10,000,000	3,387,605,000		
							Hòa Ba	LUC	63	00	350	17	54		350							
							Đồng Mưa	LUC	1	00	2621	51	55		2621							
2	Đoàn Văn Vinh	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001061033264	CG 241127	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Từ Vũ	LUC	00	00	350	54	49	476.0	350	73.53	108,500,000	271,250,000	3,500,000	383,250,000		
3	Lê Thị Bat (đã chết) đại diện Nguyễn Thị Ngân	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001166005470	CE 800554	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Tăng Sán	LUC	20	00	1857	173	43	1,965.0	1857	100.00	609,150,000	1,522,875,000	10,000,000	2,142,025,000		
							Kinh Tế Phụ Đường Ngang	LUC	140	00	108	258	43		108							
4	Lê Thị Doan	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001161034492	CH 217155	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Biệt Thủng	LUC	17	00	907	236	43	1,035.0	907	87.63	281,170,000	702,925,000	9,070,000	993,165,000		
5	Lưu Văn Chúc (đã chết) Đại diện Lưu Thị Sơn	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001157029033	CG 241123	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Đồng Mưa	LUC	00	00	970	77	55	970.0	970	100.00	300,700,000	751,750,000	9,700,000	1,062,150,000		
6	Nguyễn Đăng Lương	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001076066712	CG 185210	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Sú	LUC	27+28	00	3872	43	44	4,164.0	3120.4	78.06	1,007,624,000	2,519,060,000	10,000,000	3,536,684,000		
							Lô Bà Tru	LUC	13	00	130	49	48		130							
7	Nguyễn Đăng Ninh và Bùi Thị Chung Thủy	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001083010614	AA 02510678	VPhĐK đất đai Hà Nội CN Thanh Oai	24/7/2025	Trên Đồng	LUC	34	00	1085	73	48	1,085.0	1085	100.00	336,350,000	840,875,000	10,000,000	1,187,225,000		

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
8	Nguyễn Đăng Thịnh	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001062016071	CH 217175	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Gộc	LUC	32	00	9963	164	24	9,963.0	9963	100.00	3,088,530,000	7,721,325,000	10,000,000	10,819,855,000		
9	Nguyễn Hữu Tiến	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001071024755	CG 241101	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	16	00	86	444	49	2,035.0	86	100.00	630,850,000	1,577,125,000	10,000,000	2,217,975,000		
							Trên Đồng	LUC	36	00	780	4	54		780							
							Độc Quế	LUC	45	00	1169	112	55		99							
							Độc Quế	LUC	45	00	1169	24	55		1070							
10	Nguyễn Nho Tuyền	thôn Văn Quán, xã Thanh Oai	001079053906	CG 241623	UBND huyện Thanh Oai	16/12/2016	Đồng Gộc	LUC	72+73+79	00	1126	83	18	1,126.0	517	100.00	349,060,000	872,650,000	10,000,000	1,231,710,000		
							Đồng Gộc	LUC	72+73+79	00	1126	117	18		298							
							Đồng Gộc	LUC	72+73+79	00	1126	18	19		311							
11	Nguyễn Quang Chát (đã chết), đại diện Nguyễn Thị Hạ	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001160019845	CH 217138	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Trên Đồng	LUC	19	00	889	141	48	2,324.0	889	96.30	693,780,000	1,734,450,000	10,000,000	2,438,230,000		
							Rộc Bãi	LUC	49	00	1349	14	55		1349							
12	Nguyễn Thị Bích (Bình)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001160018669	CH 217187	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Trên Đồng	LUC	48	00	937	223	48	2,637.0	840	97.95	800,730,000	2,001,825,000	10,000,000	2,812,555,000		
							Trên Đồng	LUC	48	00	937	249	48		97							
							Mạ Cây Sy	LUC	118	00	123	441	49		123							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
							Rộc Bãi	LUC	39	00	1523	594	49	1523								
13	Phạm Thế Đồng (đã chết), đại diện Nguyễn Thị Nguyệt	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001176017055	CG 185223	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Gộc	LUC	116	00	283	146	18	1,626.0	283	100.00	504,060,000	1,260,150,000	10,000,000	1,774,210,000		
							Chiêm Trảng	LUC	59	00	1293	63	42		1293							
							Mạ Bờ Nghia	LUC	207	00	50	312	49		50							
14	Nguyễn Trung Dũng	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001079026187	CH 217189	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đường Ngang	LUC	49	00	378	371	37	977.0	105	64.69	195,920,000	489,800,000	6,320,000	692,040,000		
							Chiêm Trảng	LUC	45	00	390	30	42		390							
							Mạ Bờ Nghia	LUC	170	00	137	249	49		137							
15	Nguyễn Văn Định	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001068041003	CG 185209	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gộc	LUC	87	00	488	27	19	5,446.0	488	63.64	1,074,460,000	2,686,150,000	10,000,000	3,770,610,000		
							Hóp Cây	LUC	8	00	2406	48	45		2406							
							Mạ Cây Sy	LUC	109	00	154	373	49		154							
							Độc Quế	LUC	57	00	418	27	55		418							
16	Nguyễn Văn Định (Đạt)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001087043580	CG 241150	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Đồng Gộc	LUC	80	00	350	315	25	2,860.0	350	94.34	836,380,000	2,090,950,000	10,000,000	2,937,330,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	56	00	104	388	49		104							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)		
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)					
							Hóa Ba	LUC	64	00	394	11	54		394									
							Đồng Mưa	LUC	2	00	1850	69	55		1850									
17	Nguyễn Văn Phát (đã chết), đại diện Phạm Thị Xuân	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001157011670	CG 241103	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	140	00	128	461	49		128									
							Láng Gạo Ta	LUC	6	00	2331	18	50	3,038.0	2331	100.00	941,780,000	2,354,450,000	10,000,000	3,306,230,000				
							Trên Đồng	LUC	39	00	579	33	54		579									
18	Nguyễn Việt Hậu (đã chết), đại diện Nguyễn Việt Hợp	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001094015438	CG 241041	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Đường Ngang	LUC	55	00	216	2	43		108									
							Đường Ngang	LUC	55	00	216	5	43		108									
							Hoà Ba Trong	LUC	41	00	1749	156	48	2,042.0	1749	100.00	633,020,000	1,582,550,000	10,000,000	2,225,570,000				
							Mạ Bờ Nghia	LUC	94	00	77	233	49		47									
							Mạ Bờ Nghia	LUC	94	00	77	271	49		30									
19	Nguyễn Việt Hiếu và Lê Thị Nga	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001086044577	CE 800561	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Từ Vũ	LUC	17	00	360	64	44		360									
							Cây Sy	LUC	50	00	1589	183	48	2,021.0	1589	100.00	626,510,000	1,566,275,000	10,000,000	2,202,785,000				
							Mạ Cây Sy	LUC	195	00	72	605	49		72									

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
20	Nguyễn Việt Kim (đã chết), đại diện Nguyễn Thị Thuận	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001158003472	CG 241157	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Bà Trụ	LUC	16	00	356	75	48	2,690.0	356	87.96	733,460,000	1,833,650,000	10,000,000	2,577,110,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	152	00	95	377	49		95							
							Độc Bãi	LUC	35	00	1149	527	49		1149							
							Trên Đồng	LUC	42	00	766	37	54		766							
21	Phạm Thị Lập	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001158038832	CH 217129	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Gộc Văn Quán	LUC	56	00	453	38	18	2,955.0	453	100.00	916,050,000	2,290,125,000	10,000,000	3,216,175,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	74	00	115	505	49		115							
							Bãi	LUC	12	00	1448	73	50		1448							
							Đồng Mưa	LUC	57	00	939	82	54		939							
22	Nguyễn Việt Thắng	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001086013958	CG 241609	UBND huyện Thanh Oai	16/12/2016	Hòa Ba Ngoài	LUC	72	00	484	224	48	3,586.0	484	93.28	1,036,950,000	2,592,375,000	10,000,000	3,639,325,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	78	00	147	488	49		147							
							Láng Gạo Ta	LUC	14	00	2714	51	50		2714							
23	Nguyễn Việt Thắng	Thôn Động Giã xã	001048002757	CG 185211	UBND huyện Thanh	30/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	126	00	122	515	49	3,066.0	122	97.20	923,800,000	2,309,500,000	10,000,000	3,243,300,000		
							Đồng Mưa	LUC	30+35	00	2555	64	54		1692							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
23	Nguyễn Việt Hoàng	Giã xã Thanh Oai	00104002157	CG 105211	huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Mưa	LUC	30+35	00	2555	69	54	5,000.0	863	77.20	725,000,000	2,507,500,000	10,000,000	3,242,500,000		
							Cây Sy Cây	LUC	207	00	303	10	55		303							
24	Nguyễn Xuân Khuê	Thôn Đông Giã xã Thanh Oai	001059030222	CE 800587	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Chiêm Trăng	LUC	94	00	1054	67	42	3,672.0	1054	86.78	987,846,000	2,469,615,000	10,000,000	3,467,461,000		
							Kinh tế phụ Đường Ngang	LUC	156	00	216	154	43		147.6							
							Bãi	LUC	2	00	1985	405	49		1985							
25	Nguyễn Xuân Lực (đã chết), đại diện Lê Thị Chinh	Thôn Đông Giã xã Thanh Oai	001164014995	CE 800580	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gộc	LUC	24	00	319	201	13	5,350.0	319	100.00	1,658,500,000	4,146,250,000	10,000,000	5,814,750,000		
							Chiêm Trăng	LUC	74+75	00	1207	48	42		305							
							Chiêm Trăng	LUC	74+75	00	1207	54	42		902							
							Kinh Tế Phụ Đường Ngang	LUC	140	00	270	116	43		270							
							Tầng Sân	LUC	20	00	3290	157	43		3290							
							Ma Bờ Nghia	LUC	143	00	264	295	49		264							
							Gộc	LUC	17	00	151	55	18		151							
							Chiêm Trăng	LUC	67	00	88	68	42		88							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
26	Nguyễn Xuân Thành	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001071021553	CG 241092	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Hóa Ba	LUC	28	00	652	198	48	3,887.0	652	89.94	1,083,760,000	2,709,400,000	10,000,000	3,803,160,000		
							Từ Vũ	LUC	49+50	00	2605	90	49		2139							
							Từ Vũ	LUC	49+50	00	2605	135	49		466							
27	Nguyễn Xuân Tuấn (Vân)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001070046492	CE 800557	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Lô Bà Tụ	LUC	16	00	2434	11	48	3,995.0	2434	60.93	754,540,000	1,886,350,000	10,000,000	2,650,890,000		
28	Phạm Đăng Dũng (Trang)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001074011131	CE 800578	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đường Ngang	LUC	15+22	00	189	356	37	3,355.0	135	95.92	997,580,000	2,493,950,000	10,000,000	3,501,530,000		
							Đường Ngang	LUC	15+22	00	189	383	37		54							
							Trên Đồng	LUC	22+33	00	1119	82	48		1119							
							Trên Đồng	LUC	22+33	00	570	85	48		570							
							Bãi	LUC	24	00	1340	72	50		1340							
29	Phạm Đăng Sơn	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001066007286	CG 241047	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Gộc	LUC	113	00	513	138	18	2,795.0	513	94.34	817,377,000	2,043,442,500	10,000,000	2,870,819,500		
							Trên Đồng	LUC	28	00	638	188	48		638							
							Bãi	LUC	28	00	1512	10	56		1485.7							
30	Phạm Đăng Thành (Hải)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001089012452	CE 800550	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Trên Đồng	LUC	26	00	693	166	48	812.0	693	85.34	214,830,000	537,075,000	6,930,000	758,835,000		

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
31	Phạm Thế Bình (đã chết), đại diện Nguyễn Thị Hoa	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001159009178	CH 217200	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đường Ngang	LUC	119+120	00	495	115	43	5,553.0	136.3	90.89	1,564,570,000	3,911,425,000	10,000,000	5,485,995,000		
							Đường Ngang	LUC	119+120	00	495	108	43		81.7							
							Biệt Thủng		43	00	1994	8	48		1994							
							Hòa Ba Ngoài	LUC	25	00	644	225	48		644							
							Từ Vũ	LUC	45	00	2191	197	49		2191							
32	Phạm Thế Hanh (đã chết), đại diện Phạm Thị Hòa	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001159039377	CG 241025	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Chiếm Trãng	LUC	54	00	441	46	42	4,815.0	441	17.01	253,890,000	634,725,000	8,190,000	896,805,000		
							Đường Ngang	LUC	65	00	378	17	43		378							
33	Phạm Thế Kim	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001061007177	CG 241034	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Đồng Gộc	LUC	29	00	303	41	18	2,773.0	303	100.00	859,630,000	2,149,075,000	10,000,000	3,018,705,000		
							Kinh tế Phụ Đường Ngang	LUC	58	00	144	9	43		144							
							Trên Đồng	LUC	32	00	880	205	48		880							
							Mạ Cây Sy	LUC	38	00	101	447	49		101							
							Rộc Quế	LUC	53	00	1345	15	55		1345							
							Gộc	LUC	64	00	591	140	19	591								

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
34	Phạm Thế Lâm	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001062007964	CG 241052	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Đường Ngang	LUC	31	00	121	19	43	4,667.0	121	41.74	603,880,000	1,509,700,000	10,000,000	2,123,580,000		
							Biệt Thủng	LUC	34	00	360	4	48		360							
							Hóa Ba	LUC	18	00	718	190	48		718							
							Bờ Nghia	LUC	115	00	158	221	49		158							
35	Phạm Thế Tráng	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001055012341	CG 241108	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Chiêm Tráng	LUC	70	00	556	64	42	3,561.0	556	95.70	1,056,480,000	2,641,200,000	10,000,000	3,707,680,000		
							Tăng Sản	LUC	27	00	2852	160	43		2852							
36	Nguyễn Thị Lan	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001158030924	CG 241611	UBND huyện Thanh Oai	16/12/2016	Gộc	LUC	29	00	195	13	18	1,914.0	195	96.66	573,500,000	1,433,750,000	10,000,000	2,017,250,000		
							Đường Ngang	LUC	77	00	162	99	43		162							
							Hóa Ba Trong	LUC	53	00	383	77	48		383							
							Trên Đồng	LUC	10	00	1110	135	48		1110							
37	Phạm Thị Sơn (Thị)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001172043872	CG 241091	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Ma Cây Sy	LUC	25	00	72	489	49	1,330.0	72	100.00	412,300,000	1,030,750,000	10,000,000	1,453,050,000		
							Đồng Mưa	LUC	92	00	1258	89	55		1258							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
38	Phạm Thị Sự (Biên)	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001163049961	CH 217144	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Hòa Ba Ngoài	LUC	7	00	440	204	48	2,991.0	440	91.57	849,090,000	2,122,725,000	10,000,000	2,981,815,000		
							Cây Sy Mạ	LUC	173	00	151	566	49		151							
							Cây Sy	LUC	8	00	2148	17	55		2148							
39	Phạm Văn Quang (đã chết), đại diện Nguyễn Thị Hải	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001173041078	CH 217192	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đồng Gộc	LUC	93	00	301	114	18	2,673.0	301	100.00	828,630,000	2,071,575,000	10,000,000	2,910,205,000		
							Từ Vũ	LUC	9	00	360	76	49		360							
							Mạ Cây Sy	LUC	19	00	89	435	49		89							
							Đồng Mưa	LUC	14	00	1923	63	55		1923							
40	Trần Thị Phương	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001173009650	CH 217199	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Chiêm Chăng	LUC	3	00	1485	184	43	1,543.0	1485	100.00	478,330,000	1,195,825,000	10,000,000	1,684,155,000		
							Mạ Bờ Nghia	LUC	131	00	58	261	49		58							
41	Trần Văn Nhon (đã chết), đại diện Trần Văn Đại	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001065006624	CG 185220	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Đường Ngang	LUC	83	00	162	54	43	1,026.0	162	15.79	50,220,000	125,550,000	1,620,000	177,390,000		
							Gộc Văn Quán	LUC	91	00	412	126	18		412							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
42	Vũ Đức Khang	Thôn Đông Giã xã Thanh Oai	001068007883	CG 241070	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	54	00	117	358	49	3,197.0	117	94.93	940,850,000	2,352,125,000	10,000,000	3,302,975,000		
							Trên Đồng	LUC	37	00	1002	16	54		1002							
							Rộc Trong	LUC	44	00	1504	31	55		1504							
43	Nguyễn Đăng Giáp	Thôn Đông Giã xã Thanh Oai	001079020065	CG 185216	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Cây Sy	LUC	49+50	00	113	359	49	3,030.0	60	96.44	905,820,000	2,264,550,000	10,000,000	3,180,370,000		
							Đồng Mưa	LUC	17+29+34	00	2809	62	54		1605							
							Cây Sy	LUC	49+50	00	113	356	49		53							
							Đồng Mưa	LUC	17+29+34	00	2809	70	54		564							
							Đồng Mưa	LUC	17+29+34	00	2809	84	55		640							
44	Phạm Thị Mai (Vân)	Thôn Đông Giã xã Thanh Oai	001168030527	CG 241122	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Gộc	LUC	65	00	456	153	19	5,195.0	456	97.92	1,576,970,000	3,942,425,000	10,000,000	5,529,395,000		
							Đường Ngang	LUC	71	00	709	44	43		709							
							Hóa Ba Ngoài	LUC	71	00	791	226	48		791							
							Mạ Cây Sy	LUC	27	00	170	494	49		170							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
							Láng Gạo Chi	LUC	12+22	00	2961	49	50		2961							
45	Vũ Văn Đông	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001075016059	CG 241170	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Cây Sy	LUC	24	00	1901	529	49	2,167.0	1901	93.35	627,130,000	1,567,825,000	10,000,000	2,204,955,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	188	00	122	584	49									122
46	Nguyễn Văn Hoà (đã Chết) đại diện Nguyễn Thị Chiên	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001157011123	CG 241043	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Cây Sy	LUC	106+107	00	177	392	49	5,611.0	77	76.90	1,337,650,000	3,344,125,000	10,000,000	4,691,775,000		
							Cây Sy Lúa	LUC	03+09	00	2995	595	49									2045
							Gộc	LUC	58	00	512	15	18									512
							Hóa Ba Ngoài	LUC	22	00	631	200	48									631
							Cây Sy	LUC	106+107	00	177	360	49									100
							Cây Sy Lúa	LUC	03+09	00	2995	536	49									950
							Gộc	LUC	35+37	00	579	161	25		225.9							
							Mạ Cây Sy	LUC	51+102	00	168	349	49		70							
							Đồng Mưa	LUC	36+37+44	00	3672	66	54		1466							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
47	Nguyễn Thị Dung và Nguyễn Việt Ngọc	Bà Nguyễn Thị Dung thôn Động Giã, ông Nguyễn Việt Ngọc thôn Nhật Tiến, xã Phú Nghĩa, TP. Hà Nội	001156032283	CG 241162	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Gộc	LUC	35+37	00	579	162	25	4,581.0	353.1	96.46	1,369,890,000	3,424,725,000	10,000,000	4,804,615,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	51+102	00	168	343	49		80							
							Mạ Cây Sy	LUC	51+102	00	168	346	49		18							
							Đồng Mưa	LUC	36+37+44	00	3672	68	54		1714							
							Đồng Mưa	LUC	36+37+44	00	3672	72	54		492							
48	Phạm Thế Đạt	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001077022622	CG 241625	UBND huyện Thanh Oai	16/12/2016	Đường Ngang	LUC	61+62	00	270	27	43	5,508.0	135	100.00	1,707,480,000	4,268,700,000	10,000,000	5,986,180,000		
							Chiêm Tráng	LUC	61	00	2141	9	48		2141							
							Mạ Bờ Nghia	LUC	174+175	00	201	309	49		100							
							Gộc	LUC	03	00	675	177	13		675							
							Đường Ngang	LUC	61+62	00	270	33	43		135							
							Biệt Thủng	LUC	46	00	2221	29	48		2221							
							Mạ Bờ Nghia	LUC	174+175	00	201	333	49		101							
49	Nguyễn Thị Hoàn	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001154021060	CG 241129	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Kinh Tế Phụ Đường Ngang	LUC	152+154	00	432	147	43	7,226.0	216	94.29	2,112,247,000	5,280,617,500	10,000,000	7,402,864,500		

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
							Kinh Tế Phụ Đường Ngang	LUC	152+154	00	432	151	43		54							
							Bà Tụ	LUC	31	00	556	92	48		556							
							Từ Vũ	LUC	52	00	676	234	49		676							
							Dộc	LUC	1+62+63+6	00	4613	52	55		546							
							Dộc	LUC	1+62+63+6	00	4613	57	55		1054							
							Dộc	LUC	1+62+63+6	00	4613	59	55		2392.3							
							Dộc	LUC	1+62+63+6	00	4613	73	55		469.4							
							Kinh Tế Phụ Đường Ngang	LUC	152+154	00	432	150	43		162							
							Trên Đồng	LUC	0	00	688	114	48		688							
50	Phạm Thế Nghiêm	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001072037695	CG 241114	UBND huyện Thanh Oai	12/12/2016	Mạ Cây Sy	LUC	63	00	112	556	49	3194.0	112	94.93	939,920,000	2,349,800,000	10,000,000	3,299,720,000		
							Láng Gạo Chi	LUC	99	00	360	47	50		360							
							Đồng Mưa	LUC	67	00	662	73	54		662							
							Đồng Chòi	LUC	2	00	1898	72	55		1898							

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ cư trú	Số CCCD	Theo giấy tờ pháp lý									Theo bản đồ phục vụ công tác GPMB		Tổng diện tích đất nông nghiệp hộ đang sử dụng	Diện tích thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tỷ lệ % (diện tích thu hồi/tổng diện tích hộ đang sử dụng)	Bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp 155.000d/m2 x 2 lần (Căn cứ nghị quyết số 90/2026/NQ-HĐND ngày 27/01/2026, Văn bản số 1496/UBND-TNMT về bồi thường theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội K=2)	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 40/QĐ-UBND của UBND TP Hà Nội		Tổng tiền BT, HT	Người nhận tiền (Ký và ghi rõ họ tên)
				Số GCNQSD đất	Nơi cấp	Ngày cấp	Xứ đồng	Loại đất thu hồi	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m2)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (155.000d/m2 x 5 lần)					Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000d/m2 (không quá 10.000.000d/chủ sử dụng)			
51	Nguyễn Việt Ban	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001073010559	CG 241075	Nguyễn Việt Ban	12/12/2016	Mạ cây Sy	LUC	41	00	99	371	49	2693.0	99	95.99	801,350,000	2,003,375,000	10,000,000	2,814,725,000		
							Bãi	LUC	01	00	1516	394	49		1516							
							Từ Vũ	LUC	41	00	970	315	49		970							
52	Nguyễn Xuân Yêm	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001061026903	CH 217195	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Trên Đồng	LUC	46	00	1143	231	48	3531.0	1143	100.00	1,094,610,000	2,736,525,000	10,000,000	3,841,135,000		
							Cây Sy	LUC	145	00	119	454	49		119							
							Độc	LUC	38	00	1801	539	49		1801							
							Đường Ngang	LUC	100	00	468	55	43		468							
53	Nguyễn Thị Chung	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001172022421	CH 217203	UBND huyện Thanh Oai	30/12/2016	Vặng	LUC	33	00	3831	36	44	4405.0	3831	91.74	1,252,710,000	3,131,775,000	10,000,000	4,394,485,000		
							Mạ Cây Sy	LUC	24	00	210	504	49		210							
54	Trần Văn Hình và Nguyễn Thị Nghiêm	Thôn Động Giã xã Thanh Oai	001068008122	DP 956447	VPhĐK đất đai Hà Nội CN Thanh Oai	8/11/2024	Trên Đồng	LUC	22	00	1332	181	48	1332.0	1332	100.00	412,920,000	1,032,300,000	10,000,000	1,455,220,000		
							Gộc Dưới	LUC	89	00	460	71	19		460							
							Gộc	LUC	66	00	130	157	19		130							

